

Khoa Sư Phạm

Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam

Tác giả: Phùng Hoài Ngọc

Phần 1: Văn hóa học đại cương

Văn hóa là cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả .

Edouard Herriot

Chương 1: Văn hóa và văn hóa học

Văn hóa là gì?

Theo cách hiểu thông thường, văn hóa là học thức, trình độ học vấn và lối sống lành mạnh. Theo nghĩa rộng, VH bao gồm toàn bộ đời sống con người Trên thế giới có nhiều định nghĩa về VH. Chúng ta chọn định nghĩa đã được UNESCO công nhận:

“Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn và trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội “

Tính chất và chức năng của văn hóa

2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội:

VH gồm nhiều bộ phận có liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Những con người có chung một nền VH sẽ sống chung thành một cộng đồng ổn định

2.2. Tính giá trị và chức năng thúc đẩy xã hội vận động đi lên

Có nhiều cách phân loại giá trị văn hóa:

- Giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị hỗn hợp vật chất – tinh thần
 - Giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ
 - Giá trị vĩnh cửu, giá trị nhất thời , giá trị lịch sử và giá trị đang hình thành
- Tính giá trị còn có vai trò điều chỉnh xã hội , bằng cách tạo ra những mẫu mực để mọi người noi theo.

2.3. Tính lịch sử và truyền thống có chức năng giáo dục, duy trì cộng đồng.

2.4. Tính dân tộc tạo nên cá tính, bản sắc riêng, phân biệt với dân tộc khác.

Phân biệt văn hóa, văn hiến, văn vật và văn minh.

Văn hoá	Văn hiến	Văn vật	Văn minh
Hài hoà giữa vật chất và tinh	Thiên về giá trị tinh thần	Thiên về giá trị vật chất	Thiên về giá trị vật chất, kỹ

thần			thuật
Có bề dài lịch sử	Có bề dài lịch sử	Có bề dài lịch sử	Có trình độ phát triển
Có tính dân tộc	Có tính dân tộc	Có tính dân tộc	Có tính quốc tế
Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương Đông	Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương Đông	Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương Đông	Thiên về thành thị, thương mại, và công nghiệp, phương Tây

Cấu trúc của một nền văn hóa

Có thể chia ra 4 thành tố, gồm :

- Bộ phận văn hóa nhận thức
- Bộ phận văn hóa tổ chức cộng đồng xã hội và đời sống cá nhân.
- Bộ phận văn hóa ứng xử trong môi trường tự nhiên.
- Bộ phận văn hóa ứng xử trong môi trường quốc tế.

Các bộ môn nghiên cứu văn hóa

Gồm những chuyên ngành:

- Văn hóa học đại cương, còn gọi là Lí thuyết văn hóa, nghiên cứu các khái niệm, quy luật hình thành và phát triển văn hóa...
- Địa lí văn hóa: tìm hiểu v.h. của các vùng (theo chiều ngang).
- Lịch sử văn hóa: khảo sát quá trình diễn biến của một nền văn hóa dân tộc.(theo chiều dọc)
- Cơ sở văn hóa nhằm nghiên cứu một nền văn hóa dân tộc, bao hàm cả địa-văn hóa và sử -văn hóa, nhằm hướng vào thời hiện đại, với mục đích bảo tồn và phát triển nền văn hóa ấy.

Hai loại hình văn hoá cơ bản trên thế giới

Người ta thường phân chia thế giới ra hai khu vực văn hóa: phương Đông và phương Tây.

Cách chia như thế chỉ là tạm thời, vì nó thiếu cơ sở khoa học và không chính xác.Tiêu chí phân loại phải căn cứ vào lối sống chủ yếu (cách sản xuất), mà sản xuất phụ thuộc vào địa hình, khí hậu.

Thuở xưa, con người trên trái đất có hai nghề sản xuất chủ yếu: trồng lúa nước và chăn nuôi du mục.

Bảng đối chiếu hai loại hình văn hoá.

Tiêu chí	Văn hoá nông nghiệp (Chủ yếu ở phương Đông)	Văn hoá du mục (Chủ yếu ở phương Tây)
Địa hình, khí hậu	đồng bằng, nóng, ẩm, thấp	thảo nguyên, lạnh, khô, cao
Nghề nghiệp chính	trồng lúa nước	chăn nuôi du mục
Cách sống (nơi ở)	định cư, nhà ở ổn định	du cư, cắm trại, lều tạm bợ
Quan hệ với tự nhiên	gắn bó, hoà hợp	chiếm đoạt, khai thác
Ăn uống	đồ ăn thực vật	đồ ăn động vật
Quan hệ xã hội	trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng nữ, dân chủ, trọng tập thể	trọng lý (nguyên tắc), trọng tài, trọng võ, trọng nam giới, trọng cá nhân (thủ lĩnh)
Giao lưu đối ngoại	hiếu hoà, dung hợp, mềm dẻo khi đối phó	hiếu chiến, độc tôn, cứng rắn bằng bạo lực
Đặc điểm tư duy	chủ quan, cảm tính, kinh nghiệm, tổng hợp và biện chứng	khách quan, lý tính, thực nghiệm, phân tích và siêu hình
Văn học nghệ thuật	thiên về thơ, nhạc trữ tình	thiên về truyện, kịch, múa sôi động
Xu hướng khoa học	thiên văn, triết học tâm linh, tôn giáo	khoa học tự nhiên, kỹ thuật
Khuynh hướng chung	thiên về văn hoá nông thôn	thiên về văn minh thành thị

Trên đây trình bày những nét khác biệt cơ bản nhất giữa hai loại hình văn hóa chủ yếu của loài người. Trên cơ sở đó, sinh viên tiếp tục tìm hiểu những nét khác nhau trong nhiều lĩnh vực khác.

Phần 2: Cơ sở văn hóa Việt Nam

Chương 2: Xác định tọa độ nền văn hóa Việt Nam (20 tiết)

Ba yếu tố cơ bản tạo nên một nền văn hóa :

- Chủ thể văn hóa
- Không gian văn hóa
- Thời gian văn hóa

Chủ thể văn hóa là các dân tộc Việt nam (4 tiết)

Cách đây trên 30 vạn năm, loài người sống ở hai khu vực chính: phía Tây và phía Đông. Khu vực phía Tây gồm 2 đại chủng là chủng Âu (Europeoid), và chủng Phi (Negroid) Còn ở phía Đông, có đại chủng Á (Mongoloid) sống ở phía Bắc, đại chủng Úc (Australoid) sống ở phía Nam gồm khu vực Đông Nam Á và nam đảo Thái bình dương.

Cách đây khoảng 10 ngàn năm (thời đồ đá giữa), chủng tộc Melanesien (thuộc đại chủng Australoid) đang sinh sống trên khu vực Đông nam Á, tính từ phía nam sông Dương Tử trở xuống. Một dòng người du mục thuộc đại chủng Á từ phương Bắc thiên di xuống, vượt qua sông Dương Tử (còn gọi Trường giang), dừng lại và hợp chủng với dân Melanesien nông nghiệp bản địa, tạo ra một chủng mới gọi là Indonesien (Mã lai cổ), nước da ngăm đen, tóc hơi quăn, tầm vóc thấp.

Cách đây khoảng 5000 năm (thời đồ đá mới, đầu thời đại đồ đồng), tiếp tục diễn ra sự tiếp nhận và hợp chủng dòng người Mongoloid phía Bắc đi xuống với dân cư Indonesien bản địa, tạo ra chủng mới, Austroasiatic -gọi là chủng Nam Á.

Dần dần, chủng Nam Á chia tách ra nhiều dân tộc gọi chung là nhóm Bách Việt, như Dương Việt, Đông Việt, Điền Việt, Lạc việt, Mân việt, Nam việt,...sinh sống từ phía nam sông Dương Tử cho tới bắc Trung bộ. Nhóm này hình thành theo 4 nhóm ngôn ngữ là Việt -Mường, Môn -Khmer, Tày- Thái, Mèo -Dao.Trong đó, dân tộc Việt (kinh) chiếm đa số, tới 90 %.

Trong khi đó, một bộ phận dân Indonesien không muốn ở lại hợp chủng với các dòng du mục phương Bắc nên đã di chuyển dọc theo dãy Trường Sơn vào phía Nam, định cư lại ở vùng Tây nguyên và Trung bộ, đó là các dân tộc Bana, Êđê, Gia rai, Churu, Vân kiều... và dân tộc Chăm ngày nay.

Như vậy, người Việt ngày nay đều có chung một nguồn gốc là chủng Indonesien nhưng lại đa dạng và sống rải rác khắp từ Bắc đến Nam.

Không gian văn hóa- còn gọi là lãnh thổ văn hóa (8 tiết)

Hai tam giác không gian văn hóa Việt Nam

Hãy xác định vị trí sông Dương Tử trên bản đồ và đường biên giới Việt - Trung ngày nay.

Tam giác thứ nhất: cạnh đáy là bờ nam sông Dương Tử, còn đỉnh là bắc Trung bộ (khoảng Đèo Ngang). Đây là giai đoạn các dân tộc phương Nam còn sống chung với các dân phương Bắc xuống.

Cách đây khoảng 4000 năm, các dân tộc Việt lùi xuống, hình thành quốc gia đầu tiên gọi là Văn Lang, đồng thời mở mang bờ cõi về phương Nam.

Tam giác thứ hai hình thành, cạnh đáy là đường biên giới Việt - Trung ngày nay còn đỉnh là chót Mũi Cà mau (chính xác hơn, đó là các đảo cực Nam của Tổ quốc)

Sáu vùng văn hóa Việt Nam

Đất nước Việt Nam có địa hình, khí hậu đa dạng nên đã hình thành nhiều vùng văn hóa khác nhau.

2.2.1. Vùng văn hóa Tây Bắc:

Hệ thống núi non trùng điệp bên hữu ngạn sông Hồng, thuộc lưu vực sông Đà, kéo dài tới phía bắc tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Có trên 20 dân tộc sinh sống, tiêu biểu là hai dân tộc Thái và Mường.

Thành tựu văn hóa nổi bật:

- Hệ thống nương phai dẫn nước từ suối vào ruộng trồng lúa.
 - Trang phục hoa văn sặc sỡ: khăn váy áo.
 - Ca múa xòe, khèn, sáo...
- Gồm các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và một số vùng của tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An giáp giới nước Lào.

2.2.2. Vùng văn hóa Việt Bắc: (còn gọi: vùng Đông bắc)

Núi non hiểm trở bên tả ngạn sông Hồng. Cư dân chủ yếu người Tày và Nùng. Gồm sáu tỉnh: Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

Trang phục giản dị, quần áo chàm

Có hệ thống văn tự sớm, văn học phát triển.

2.2.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ: (vùng Thăng long, vùng sông Hồng)

Gồm các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ: Hà Nội, Hà Tây, Hà Nam, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An.

Cư dân chủ yếu là người Việt Kinh, sống thành làng xã. Vùng này đất đai trù phú, phát triển toàn diện, sẽ là nguồn cội của văn hóa Trung bộ và Nam bộ sau này và trở thành trung tâm văn hóa cả nước.

2.2.4. Vùng văn hóa Trung Bộ

Dải đất hẹp và dài dọc theo biển Đông, từ tỉnh Quảng bình tới tỉnh Phan Thiết.

Khí hậu khắc nghiệt, đất đai khô cằn. Dân Việt từ ngoài vào, sinh sống chủ yếu bằng nghề biển. Con người chịu đựng gian khổ, cần cù, hiếu học.

Chủ nhân đầu tiên là người Chăm (gốc Indonesien), trước đây dựng nên vương quốc Cham Pa, sau sáp nhập vào nước Đại Việt (thời Lê). Bộ phận văn hóa Chăm chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ với nhiều thành tựu đặc sắc về kiến trúc và điêu khắc...tiêu biểu là những Tháp Chăm.

Trung tâm của vùng văn hóa Trung bộ là tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2.2.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên:

Phía đông dãy Trường Sơn, bốn tỉnh Gia Lai, Kontum, Đak Lak, Lâm Đồng.

Trên 20 dân tộc, đây là vùng có nhiều thành tựu văn hóa cổ đặc sắc, như các lễ hội, nhạc cụ cồng chiêng, dân ca, lễ hội, trường ca cổ (Đam San, Xing Nhã...).

2.2.6. Vùng văn hóa Nam bộ:

Hai lưu vực sông Đồng Nai và sông Cửu Long, gọi là miền Đông Nam bộ và Tây Nam bộ, trung tâm là thành phố Sài Gòn -Gia Định.

Đồng bằng rộng rãi, kinh rạch chằng chịt, khí hậu 2 mùa mưa và khô rõ rệt, điều hòa.

Những cư dân bản địa như Khmer (miền Tây) và Mạ, Stieng, Chơ ro, Mnông sinh sống (miền Đông) cùng với những cư dân đến sau như Việt, Hoa, Chăm xây dựng cuộc sống.

Nhà ở dọc theo kênh rạch và đường lộ trong những làng xã mở

Sản xuất chủ yếu làm ruộng lúa nước và nghề đánh bắt cá sông biển.

Đồ ăn thiên về thủy sản.

Tín ngưỡng, tôn giáo rất phong phú và đa dạng.

Tính cách con người phóng khoáng.

Vùng đất này tiếp xúc sớm với phương Tây.

Nhưng trong lòng người dân vẫn in đậm hai câu thơ:

“Tù thuở mang gươm đi mở cõi
ngàn năm thương nhớ đất Thăng long “.

Nhìn chung, các dân tộc Việt liên hệ gắn bó mật thiết với các dân tộc Đông Nam Á từ trong nguồn gốc: giống người, ngôn ngữ, lối sống. Đây là cơ sở tạo ra sự khác biệt cơ bản giữa văn hóa Việt Nam và Trung Hoa.

Mối quan hệ không gian văn hóa Việt Nam - Trung Quốc

Khởi đầu, người Hán một dân tộc du mục, sống ở thượng nguồn sông Hoàng Hà..Về sau, họ làm thêm nghề nông nghiệp trồng kê mạch (nông nghiệp khô). Dần dần, họ di chuyển từ Tây sang Đông, dọc theo sông Hoàng Hà xuống hạ lưu. Đến đây, định cư và hình thành nền văn hóa sông Hoàng Hà. Thời kỳ này để lại từ “đông tiến” như một phương hướng sinh tồn và quan trọng nhất trong đời sống (đông cung, đông sàng...)

Kế tiếp, người Hán tiếp tục qua sông Hoàng, qua Trung nguyên, vượt sông Dương Tử (Trường giang) đi xuống phương Nam nơi có khí hậu dễ chịu với đất đai màu mỡ hơn. Đó là cuộc Nam tiến với khái niệm “ kim chỉ nam “ (nhiều dòng người đã hợp chủng với các dân tộc phương Nam - xem lại phần Chủ thể văn hóa Việt; nguồn gốc các dân tộc Việt nam).

Trong giai đoạn này, chắc chắn người Hán đã thu nhận không ít thành tựu văn hóa phương Nam để góp vào nền văn hóa Hán - sông Hoàng Hà.

Như vậy, ngay từ những buổi đầu hình thành văn hóa, dân tộc Việt và Hán đã có ảnh hưởng lẫn nhau, qua lại một cách tự nhiên trong thời kì sống chung ở phía Nam sông Dương Tử.

Văn hóa Trung Hoa = Văn hóa du mục Tây Bắc + Văn hóa nông nghiệp khô Trung nguyên + Văn hóa lúa nước phương Nam. (Văn hóa du mục Tây Bắc + Văn hóa nông nghiệp khô Trung nguyên = Văn hóa Hoàng Hà)

Văn hóa Việt Nam = Văn hóa nam sông DT + Văn hóa sông Hồng, sông Mã + Văn hóa miền Trung và sông Mekong.

Thời gian văn hoá Việt Nam (còn gọi: lịch sử văn hóa / tiến trình văn hóa / diễn trình văn hóa.)

Có thể chia thành 6 giai đoạn/ ba lớp.

Lớp văn hóa bản địa

Giai đoạn 1: giai đoạn tiền sử

Kể từ thượng cổ đến khi hình thành nước Văn Lang.

Thành tựu lớn nhất là tạo ra nghề trồng lúa nước (khác hẳn với trồng lúa khô / nương rẫy)

Thuần dưỡng một số gia súc (bò trâu, gà vịt, heo)

Trồng dâu nuôi tằm, dệt vải

Làm nhà sàn. Dùng cây thuốc nam chữa bệnh

Uống trà.

Giai đoạn 2: giai đoạn Văn Lang - Âu lạc.

Quốc gia đầu tiên ra đời gọi tên là Văn Lang, có lẽ để hạn chế dòng người du mục phương bắc đi xuống. Sau khi An dương vương đổi tên là Âu Lạc, thời đại Hùng vương kết thúc với triều đại Triệu Đà kế tiếp.

Thành tựu văn hóa chính:

- Nghề luyện kim đồng, đúc đồng và điêu khắc đồng (thạp đồng, trống đồng...).
- Văn học dân gian, truyền thuyết, thần thoại...
- Có thể đã tạo ra hệ thống văn tự, chữ viết, nhưng về sau bị xóa bỏ.

Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và Ấn Độ

Giai đoạn 3: giai đoạn văn hóa chống Bắc thuộc.

Kể từ Triệu Đà (238.tr.CN) đến khi Ngô Quyền giành lại độc lập dân tộc (938)

Ý thức đối kháng kiên trì, bất khuất trước nguy cơ xâm lăng của phong kiến phương Bắc. Tên nước “ Nam Việt “ ra đời từ thời Triệu Đà đã tỏ rõ ý thức phân biệt chủ quyền đất nước ; Từ đó về sau, trải nhiều lần đổi tên, chữ “nam” vẫn được duy trì

Những cuộc kháng chiến liên tiếp qua các thế kỉ như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lí Bí, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Cha con họ Khúc, Dương Diên Nghệ và đỉnh cao là cuộc đại thắng của Ngô Quyền năm 938.

Mặc dù lúc này nền văn hóa Văn Lang - Âu Lạc đã lạc hậu, suy thoái cần được sự tiếp nhận thêm văn hóa khu vực phát triển hơn, nhưng để giữ gìn chủ quyền dân tộc, nhân dân ta kiên trì tìm mọi cách chối từ văn hóa Hán đang tràn vào theo gót ngựa quân xâm lược Tuy nhiên, trong khi chối từ, dân tộc ta vẫn chấp nhận tiếp thu một phần văn hóa Hán

Giai đoạn này không có những thành tựu văn hóa đáng kể. Nếu có, chúng ta cần nói đến hai nguồn văn hóa Ấn Độ truyền vào nước ta theo con đường hòa bình, đó là văn hóa Phật giáo thâm nhập vào miền Bắc và văn hóa Hồi giáo, Bà la môn đi vào miền Trung bộ tạo dựng nên vương quốc Chăm-pa.

Bọn phong kiến phương Bắc ra sức phá huỷ, tiêu diệt thành tựu văn hóa dân tộc ta như: thu gom sách vở, bắt thay thế trang phục Hán.v.v... nhưng không đạt được mục đích Có thể hệ thống văn tự Việt đã bị xóa bỏ trong suốt ngàn năm đô hộ này.

Giai đoạn 4: Văn hóa Đại Việt thời tự chủ:

Sau chiến thắng của Ngô Quyền, nước ta lại xây dựng nền độc lập.Trải qua các triều đại ngắn Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, phải đến thời nhà Lý, nền văn hóa Đại Việt mới phát triển mạnh với tinh thần phục hưng mãnh liệt.

Tiếp theo là nhà Trần, nền văn hóa Đại Việt đạt được bước phát triển rực rỡ, gọi chung là thời đại văn hóa Lý - Trần.

Đạt tới đỉnh cao rực rỡ là thời nhà Lê, nước ta đã có một nền văn hóa phong kiến ngang tầm khu vực, đủ sức tự cường và giữ vững độc lập dân tộc.

Dân tộc ta phát triển về phương Nam vừa nhằm mục đích bảo vệ lãnh thổ, vừa phát triển đất nước. Xóa bỏ vương quốc Chăm pa ở miền Trung thường quấy phá sau lưng theo sự xúi giục của bọn xâm lược phương Bắc.

Dân tộc ta khẩn trương tiếp thu văn hóa phong kiến Trung Hoa, chủ yếu là hệ thống giáo dục Nho Giáo, Phật giáo Trung hoa, kể cả Đạo giáo, theo xu hướng” Tam giáo đồng quy “. Với phương châm “Việt nam hóa “ những thứ văn hóa ngoại lai, nghĩa là tiếp nhận văn hóa và vận dụng cho phù hợp hoàn cảnh và bản lĩnh, tính cách dân tộc Việt, nhân dân ta đã tạo nên một nền Nho giáo Việt Nam, Phật giáo Việt nam...

Nhân dân ta tiếp nhận chữ Hán, nhưng tạo ra cách đọc bằng âm Hán Việt. Rồi lại sáng tạo ra chữ Nôm để ghi âm tiếng Việt.

Những lớp trí thức Hán học đã đóng vai trò nòng cốt trong bộ máy quan lại phong kiến Việt nam các triều đại Lý, Trần, Lê và Nguyễn.

Thủ đô bền vững từ đây đặt tại Thăng Long, với Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên, cùng với Văn Miếu, khẳng định một giai đoạn phát triển cao của dân tộc

Lớp văn hóa giao lưu với phương Tây và thế giới

Giai đoạn 5: Văn hóa Đại Nam

Đại Nam là quốc hiệu do Nhà Nguyễn Minh Mạng đặt sau tên Việt Nam do Gia Long đặt. Giai đoạn này tính từ thời các chúa Nguyễn cho đến khi thực dân Pháp chiếm được nước ta làm thuộc địa.

Sau thời kì hỗn loạn Lê - Mạc, Trịnh Nguyễn phân tranh, đến nhà Nguyễn, Nho giáo lại được phục hồi làm quốc giáo, nhưng nó đã đến hồi suy tàn, không còn đủ khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa tiến kịp phương Tây.

Thiên chúa giáo bắt đầu thâm nhập vào Việt nam do các giáo sỹ phương Tây đến các vùng duyên hải nước ta truyền đạo. Nhà Nguyễn ban đầu cho họ vào, về sau lại ngăn cản. Thực dân Pháp kiếm cớ bảo vệ đạo đã kéo quân vào, nổ súng cướp nước ta từ 1858.

Giai đoạn 6: Văn hóa hiện đại:

Kể từ khi thực dân Pháp đặt được nền cai trị trên cõi Đông dương và Việt Nam, đầu thế kỉ 20, văn hóa phương Tây tự do tràn ngập vào nước ta:

- Khoa học xã hội - nhân văn nước ta vốn có một bề dày nhưng cần tiếp thu những phương pháp mới
- Khoa học tự nhiên kĩ thuật hầu như hoàn toàn mới đã được tiếp thu nhanh.
- Cơ sở hạ tầng kĩ thuật như đường quốc lộ, nhà máy điện, khai mỏ, nhà Bưu điện, nhà máy điện.v.v...bắt đầu xây dựng.
- Một số trường trung học, sau đó cao đẳng, được thành lập.